

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CẤP XÃ - NGÀNH CÔNG AN

TT	Mã số	Tên	Cơ quan ban hành	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
1	1.115406	Xét hưởng chế độ trợ cấp đối với đối tượng hoặc thân nhân đối tượng thuộc Công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thời việc theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ (ban hành kèm theo Thông tư số 132/2025/TT-BCA ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc Công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau	Bộ Công an	Bộ Công an Công an cấp Tỉnh Công an cấp Xã	Chính sách
2	1.115395	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng cháy, chữa cháy
3	1.115394	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng cháy, chữa cháy
4	1.115232	Đăng ký lại mẫu con dấu	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý con dấu
5	1.115231	Đăng ký mẫu con dấu mới	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý con dấu
6	1.115230	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với trường hợp cơ sở kinh doanh bị thu hồi không có thời hạn	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự
7	1.115189	Cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa nỏ, thuốc pháo nổ	Bộ Công an	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Văn hóa
8	1.003133	Cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc cho công dân Việt Nam thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã tiếp giáp đường biên giới Việt	Bộ Xây dựng	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh
9	3.000527	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Bộ Công an	Chủ tịch UBND cấp xã	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện
10	3.000509	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng cháy, chữa cháy
11	3.000510	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng cháy, chữa cháy
12	3.000498	Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Định danh và xác thực điện tử
13	3.000494	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng cháy, chữa cháy
14	3.000381	Thu hồi Giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh tại Cục cảnh sát	Bộ Công an		Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy
15	3.000360	Thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	Bộ Công an		Sát hạch, cấp giấy phép lái xe
16	3.000285	Khóa căn cước điện tử (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Định danh và xác thực điện tử
17	3.000286	Mở khóa căn cước điện tử (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Định danh và xác thực điện tử
18	3.000284	Mở khóa tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Định danh và xác thực điện tử
19	3.000283	Khóa tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Định danh và xác thực điện tử
20	3.000243	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự
21	3.000244	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại Công an cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự
22	3.000228	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Định danh và xác thực điện tử
23	2.001159	Thông báo lưu trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
24	1.014364	Cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc cho cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh
25	1.014363	Xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh
26	1.014065	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
27	1.014057	Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
28	1.014062	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
29	1.014068	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
30	1.014061	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
31	1.014058	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
32	1.014063	Cấp đổi thẻ căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
33	1.014067	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
34	1.014064	Cấp lại thẻ căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
35	1.014066	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (thực hiện tại cấp	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
36	1.014060	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
37	1.014059	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước

38	1.014056	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
39	1.013442	Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo
40	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đăng ký, quản lý cư trú
41	1.013082	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
42	1.013086	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
43	1.013076	Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe) bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
44	1.013313	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đăng ký, quản lý cư trú
45	1.013123	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
46	1.013079	Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
47	1.013083	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
48	1.013080	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
49	1.013066	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu thực hiện tại cấp tỉnh, cấp	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy
50	1.013065	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công toàn trình	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
51	1.012575	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
52	1.012564	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đề nghị của công dân (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
53	1.013067	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng
54	1.012566	Xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
55	1.012563	Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
56	1.012680	Cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Lào cho công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh
57	1.012538	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã Ủy ban nhân dân cấp xã	Chính sách
58	1.012533	Tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Bộ Công an	Công an cấp Xã Ủy ban nhân dân cấp xã	Tổ chức, cán bộ
59	1.012537	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực	Bộ Công an	Ủy ban nhân dân cấp xã Ủy ban nhân dân cấp xã	Chính sách
60	1.011728	Trình báo mất thẻ ABTC (thực hiện tại cấp	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh
61	1.010101	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Cấp, quản lý căn cước
62	1.010386	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh
63	1.010038	Tách hộ	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
64	1.010055	Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp xã)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh
65	1.010041	Xác nhận thông tin về cư trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
66	1.010028	Xóa đăng ký tạm trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
67	1.010039	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
68	1.010040	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
69	1.004335	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Khiếu nại, tố cáo
70	1.004327	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Khiếu nại, tố cáo
71	1.004194	Đăng ký tạm trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
72	1.004222	Đăng ký thường trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
73	1.003677	Khai báo tạm vắng	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
74	1.003197	Xóa đăng ký thường trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
75	1.002755	Gia hạn tạm trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Đăng ký, quản lý cư trú
76	1.000253	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú	Bộ Công an	Công an cấp Xã	Quản lý xuất nhập cảnh